

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2024/HS-PT
Ngày 10 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn D Sơn;

Ông Nguyễn Xuân Trọng.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Kim TuY, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 92/2024/TLPT- HS ngày 16 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo Lãng Văn T do có kháng cáo của người bào chữa cho bị cáo Lãng Văn T là bà Nguyễn Thị Bạch Y đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2024/HS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

- **Bị cáo có kháng cáo:** Lãng Văn T, sinh ngày 22/12/1981 tại thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Sán Dìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lãng Văn H và bà Phan Thị V (đều đã chết); có vợ Nguyễn Thị T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/12/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc.

- **Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Lãng Văn T là:** Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1983 - là vợ bị cáo T; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt)

- **Người bào chữa cho bị cáo:**

+ Bà Nguyễn Thị Bạch Y, Luật sư Văn phòng luật sư P, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc; Địa chỉ: Số 20 đường T, phường L, TP.Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt).

+ Ông Lê Văn D, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc; Địa chỉ: Đường Đ, phường T, TP.Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt).

- Bị hại:

+ Chị Trần Thị C, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn 4 V, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11 năm 2022, Lãng Văn T quen biết và nảy sinh tình cảm nam nữ với chị Trần Thị C. Khoảng tháng 5 năm 2023, giữa T và chị C xảy ra mâu thuẫn tình cảm nên chị C chia tay và cắt đứt liên lạc với T. Sau đó, chị C quen biết và nảy sinh tình cảm nam nữ với anh Nguyễn Văn T1. Đêm ngày 12 rạng sáng ngày 13/6/2023, T đi xe máy biển kiểm soát 88E1-332.34 đến nhà nghỉ M 2 ở thôn T, xã H, huyện T thì thấy chiếc xe máy biển kiểm soát 22Y1 - 318.80 của chị C dựng trong lán xe của nhà nghỉ. Lúc này, T biết chị C ở trong nhà nghỉ cùng anh T1, bức xúc vì trong thời gian yêu nhau, T nhiều lần cho chị C tiền chi tiêu nhưng chị C lại chia tay T để yêu người khác nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị C và anh T1. T đi đến định dắt xe máy của chị C nhưng bị anh Bạch Văn T là quản lý nhà nghỉ ngăn cản nên T quay lại chỗ để xe máy của mình lấy 01 chiếc khóa chữ U của T rồi đến khóa còng xe máy của chị C rồi đi ra ngoài sảnh nhà nghỉ nằm chờ ở ghế đá. Khoảng 02 giờ ngày 13/6/2023, T dùng điện thoại Iphone XSmax gắn sim số 0337.674.667 của T gọi nhiều cuộc đến số thuê bao 0387.739.541 của chị C nhưng chị C không nghe nên T nhắn nhiều tin nhắn SMS với nội dung “*Mày tin tao lên đến nơi băm chúng mày không... Bớ mày mài dao sẵn rồi, mai bớ cắt gân hai con chó này...*” đồng thời gửi hình ảnh của T cầm 01 con dao phay cho chị C, mục đích đe dọa, uy hiếp tinh thần chị C và anh T1 nhằm chiếm đoạt tài sản. Khoảng 04 giờ ngày 13/6/2023, T gọi điện cho anh Lưu Văn Chung bảo đến cây số 12 H chở thuê cho T chiếc xe máy, anh Chung đồng ý. Khoảng 05 giờ 30 phút, anh T đi ra gặp T yêu cầu mở khóa xe cho khách nên T mở chiếc khóa chữ U ra khỏi còng xe máy của chị C. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, T gọi điện đến số thuê bao 0977.346.296 của T1 nói “*Chúng mày xuống đây gặp tao*” thì anh T1 nói “*Em xuống thì đừng đánh em với nó*”. Một lúc sau, anh T1 xuống sảnh nhà nghỉ gặp T thì T chỉ thẳng mặt anh T1 nói to “*Tao phạt mày 5.000.000 đồng vì mày*

ngủ với người yêu tao, nếu mày không đưa tiền thì tao bảo vợ mày biết là mày ngủ với gái”. Thấy T nói vậy, anh T1 sợ sẽ ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình mình nên buộc phải chấp nhận theo yêu cầu của T nhưng do không đủ tiền nên anh T1 đưa cho T 1.500.000 đồng và xin T bỏ qua. T cầm tiền rồi yêu cầu anh T1 lên phòng gọi chị C xuống gặp T thì anh T1 lên phòng gọi chị C rồi đi làm. Do sợ bị T đánh nên khoảng 10 phút sau, chị C mới dám đi xuống gặp T. Khi gặp T, chị C bị T quát to và chửi “*Con đĩ mày nợ tiền tao, tao bắt nợ mày, mày phải đưa cho tao 30.000.000 đồng nếu không tao dắt xe máy về*”. Do bị T uy hiếp, đe dọa bằng tin nhắn trước đó và thấy ở bụng xe máy của T để 01 con dao phay nên chị C hoang mang, hoảng sợ. Chị C nói với T “*Em không nợ tiền anh*” và “*Đây là xe máy của em*” thì T nói “*Tao phải bắt nợ mày*” rồi T đi đến dắt xe máy của chị C ra cổng nhà nghỉ, do sợ bị T đánh nên chị C không dám phản kháng gì. Một lúc sau, anh Chung điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 88C - 220.75 đến thì T dắt xe máy của chị C cho lên thùng ô tô rồi anh Chung chở chiếc xe máy trên về nhà T còn T tự đi xe máy của mình về nhà.

Ngày 13/6/2023, chị Trần Thị C và anh Nguyễn Văn T1 có đơn trình báo Công an huyện T về việc bị T chiếm đoạt tài sản.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ hình ảnh camera an ninh của nhà nghỉ M 2 thời điểm xảy ra sự việc phục vụ công tác giám định; T giao nộp cho Cơ quan điều tra 500.000 đồng là số tiền chiếm đoạt được của anh T1. Cơ quan điều tra thu giữ của T chiếc xe máy biển kiểm soát 22Y1- 318.80; tạm giữ của T 1.730.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone XSmax màu vàng bên trong có gắn thẻ sim, 01 đồng hồ Lasika màu đen; chị C giao nộp cho Cơ quan điều tra bản photo ảnh chụp màn hình điện thoại các tin nhắn T uy hiếp, đe dọa chị C.

Tại Kết luận định giá tài sản số 578 ngày 03/8/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T ra kết luận trị giá chiếc xe máy biển kiểm soát 22Y1 - 318.80 nhãn hiệu Honda Airblade màu sơn vàng - đen là 30.000.000 đồng.

Tại kết luận giám định số 2377 ngày 29/8/2023, phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chụp được 8 ảnh theo nội dung yêu cầu giám định, hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra, do T có biểu hiện bệnh tâm thần nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu yêu cầu Trung tâm pháp y tâm thần Khu vực miền núi phía Bắc giám định về tâm thần đối với T. Tại Kết luận số 29 ngày 22/3/2024, Trung tâm pháp y tâm thần Khu vực miền núi phía Bắc, kết luận: “*1. Lãng Vãn T bị bệnh tâm thần phân liệt, giai đoạn bệnh ổn định; 2. Tại thời điểm*

thực hiện hành vi phạm tội ngày 13/6/2023, Lãng Văn T bị bệnh tâm thần phân liệt giai đoạn bệnh ổn định. Lãng Văn T đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi; 3. Hiện tại (tại thời điểm giám định) Lãng Văn T bị bệnh tâm thần phân liệt giai đoạn bệnh ổn định. Lãng Văn T đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2024/HS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

- Tuyên bố: Bị cáo Lãng Văn T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.
- Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, p, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lãng Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/12/2023.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Ngày 21/6/2024 người bào chữa cho bị cáo Lãng Văn T là bà Nguyễn Thị Bạch Y kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo bị tâm thần nặng việc xét xử sơ thẩm và ra bản án sơ thẩm không khách quan, không đảm bảo được quyền con người, không đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Bạch Y thay đổi nội dung kháng cáo: Không đề nghị hủy bản án sơ thẩm nữa mà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, ngoài ra không kháng cáo về nội dung khác. Bị cáo T đồng ý với nội dung kháng cáo của bà Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

- Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, p, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lãng Văn T 01 năm 03 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/12/2023.
- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không đề nghị xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo là bà Nguyễn Thị Bạch Y phát biểu quan điểm bào chữa: Bị cáo bị xét xử về tội “Cưỡng đoạt tài sản” là không oan, sai. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thừa nhận hành vi cưỡng đoạt tài sản của anh T1, chị C và ăn năn hối cải. Trước khi xét xử phúc thẩm, bị hại T1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo bị bệnh tâm thần, hạn chế khả năng nhận thức nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

- Trợ giúp viên pháp lý là ông Lê Văn D phát biểu bào chữa cho bị cáo khẳng định: Quá trình điều tra bị cáo T sinh hoạt, uống thuốc đều đặn, có khả năng nhận thức. Tại phiên tòa, bị cáo đã nhận ra và rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Nay có tình tiết mới, đó là trước khi xét xử phúc thẩm, bị hại T1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo bị bệnh, đã nhận thức rõ sai lầm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo và sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Bị cáo và người đại diện theo pháp luật của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bạch Y là người bào chữa cho bị cáo Lãng Văn T (bị cáo là người có nhược điểm về tâm thần) làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào lời khai, lời nhận tội của bị cáo Lãng Văn T tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng, thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng tháng 11 năm 2022, Lãng Văn T quen biết và nảy sinh tình cảm nam nữ với chị Nguyễn Thị C. Khoảng tháng 5 năm 2023, chị C chia tay T rồi quen biết và nảy sinh tình cảm nam nữ với anh Nguyễn Văn T1. Do bức xúc vì trong thời gian yêu nhau T đã cho chị C nhiều tiền nhưng chị C lại chia tay T để yêu anh T1 nên khoảng 02 giờ ngày 13/6/2023, T nhiều lần nhắn tin cho chị C với nội dung uy hiếp, đe dọa chị C, anh T1 nhằm chiếm đoạt tài sản. Khoảng 06 giờ ngày 13/6/2023, tại nhà nghỉ M 2 ở xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, T đe dọa sẽ nói cho vợ anh T1 biết việc anh T1 ngủ với gái làm anh T1 hoang mang, hoảng sợ rồi chiếm đoạt của anh T1 số tiền 1.500.000 đồng. Đến khoảng 06 giờ 15 phút cùng ngày, T uy hiếp, đe dọa làm chị C hoang mang, hoảng sợ rồi chiếm đoạt của chị C chiếc xe máy biển kiểm soát 22Y1 - 318.80. Trị giá tài sản là 30.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản T chiếm đoạt là 31.500.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lãng Văn T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan, sai.

[3] Xét kháng cáo về việc đề nghị sửa bản án sơ thẩm thì thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận có hành vi gửi tin nhắn hình

ảnh và đe dọa anh T1, chị C nhằm chiếm đoạt tài sản và đã chiếm đoạt được tiền của anh T1, xe máy của chị C. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa bị cáo nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình và rất ăn năn hối cải. Nay có tình tiết mới, đó là trước khi xét xử phúc thẩm, bị hại T1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người bị bệnh tâm thần, là đối tượng bị khuyết tật nặng được hưởng trợ cấp hàng tháng của địa phương, nhất thời phạm tội, là người dân tộc Sán Dìu nên Hội đồng xét xử cũng khoan hồng, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội yên tâm cải tạo, tu dưỡng, rèn luyện và sớm trở về hòa nhập cộng đồng như quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Y, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo T.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của người bào chữa cho bị cáo Lăng Văn T là bà Nguyễn Thị Bạch Y. Sửa Bản án sơ thẩm số 47/2024/HS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s, p, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt: Lăng Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cuồng đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/12/2023.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lăng Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn D Sơn Nguyễn Xuân Trọng

Nguyễn Vĩnh Thành

